5. HUYỆN HỚN QUẢN

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
I	**THỊ TRẤN TÂN KHAI**			
1	Quốc lộ 13	Ranh giới thị trấn Tân Khai-Thanh Bình	Trạm thu phí	**1,05**
		Trạm thu phí	Điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt	**1,05**
		Điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt	Hết ranh đất cây xăng ĐVT	**1,05**
		Giáp ranh đất cây xăng ĐVT	Ranh giới Hớn Quản - Chơn Thành	**1,05**
2	Trục Chính Bắc Nam	Ngã 3 giao đường Đông Tây 10	Ngã 4 giao đường Đông Tây 7	**1,00**
		Ngã 4 giao đường Đông Tây 7	Vòng xoay ngã 5 giao đường Đông Tây 15	**1,05**
		Đoạn còn lại		**1,05**
3	Bắc Nam 1	Toàn tuyến		**1,05**
4	Bắc Nam 1a	Toàn tuyến		**1,05**
5	Bắc Nam 1b	Toàn tuyến		**1,05**
6	Bắc Nam 2	Toàn tuyến		**1,05**
7	Bắc Nam 3	Toàn tuyến		**1,05**
8	Bắc Nam 4	Toàn tuyến		**1,05**
9	Bắc Nam 4a	Toàn tuyến		**1,00**
10	Bắc Nam 4b	Toàn tuyến		**1,00**
11	Bắc Nam 5	Toàn tuyến		**1,05**
12	Bắc Nam 5a	Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 5	Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 7	**1,00**
13	Bắc Nam 5b	Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 5	Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 7	**1,00**
14	Bắc Nam 5c	Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 5	Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 7	**1,00**
15	Bắc Nam 6	Toàn tuyến		**1,00**
16	Bắc Nam 7	Toàn tuyến		**1,00**
17	Trục chính Đông Tây	Toàn tuyến		**1,00**
18	Đông Tây 1	Ngã ba tiếp giáp QL13	Ngã 4 giao đường trục chính Bắc Nam	**1,05**

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
		Ngã 4 giao đường trục chính Bắc Nam	Ngã 4 giao đường Bắc Nam 7	**1,05**
19	Đông Tây 2	Ngã ba tiếp giáp Bắc Nam 1	Ngã 4 giao đường trục chính Bắc Nam	**1,05**
		Ngã 4 giao đường trục chính Bắc Nam	Ngã 3 giao đường Bắc Nam 7	**1,05**
20	Đông Tây 3	Ngã ba tiếp giáp QL13	Ngã 4 giao đường trục chính Bắc Nam	**1,05**
		Ngã 4 giao đường trục chính Bắc Nam	Ngã 3 giao đường Bắc Nam 7	**1,72**
21	Đông Tây 4	Toàn tuyến		**1,00**
22	Đông Tây 4a	Ngã ba tiếp giáp Quốc lộ 13	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2	**1,00**
23	Đông Tây 4b	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 5	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7	**1,00**
24	Đông Tây 4c	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 5	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7	**1,00**
25	Đông Tây 5	Ngã ba tiếp giáp QL13	Ngã 3 giao với đường Bắc Nam 7	**1,05**
26	Đông Tây 5a	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 3	**1,05**
27	Đông Tây 6	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2	Ngã ba giao đường trục chính Bắc Nam	**1,05**
28	Đông Tây 6a	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 3	**1,05**
29	Đông Tây 7	Ngã ba tiếp giáp QL13	Ngã 4 giao đường trục chính Bắc Nam	**1,05**
		Ngã 4 giao đường trục chính Bắc Nam	Ngã 4 giao với đường Bắc Nam 7	**1,00**
30	Đông Tây 8	Toàn tuyến		**1,00**
31	Đông Tây 9	Toàn tuyến		**1,00**
32	Đông Tây 10	Toàn tuyến		**1,00**
33	Đông Tây 11	Toàn tuyến		**1,05**
34	Đông Tây 12	Toàn tuyến		**1,04**
35	Đông Tây 13	Toàn tuyến		**1,04**
36	Đông Tây 14	Toàn tuyến		**1,04**
37	Đông Tây 15	Ngã ba giao QL13	Vòng xoay ngã 5 giao đường xã đi Đồng Nơ	**1,05**
		Đoạn còn lại		**1,05**
38	Đông Tây 16	Toàn tuyến		**1,05**

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
39	Đông Tây 17	Toàn tuyến		**1,00**
40	ĐT 756C	Ngã ba Tân Quan	Cụm công nghiệp Lê Vy	**1,05**
		Cụm công nghiệp Lê Vy	Cầu bà Hô giáp ranh Tân Quan	**1,05**
41	ĐT 756B	Ngã 4 giao đường Đông Tây 1 và Bắc Nam 7	Giáp ranh xã Đồng Nơ	**1,05**
42	Đường vào KCN Tân Khai 2	Giáp QL13	Cách QL 13 vào 300m	**1,00**
		Cách QL 13 vào 300m	KCN Tân Khai 2	**1,00**
43	Đường vành đai	ĐT 756C	Ngã tư đường vào cầu huyện ủy	**1,05**
44	Đường liên ranh khu phố 1-2	Thửa đất nằm trong phạm vi từ 0-200m không tiếp giáp QL13		**1,05**
		Cách QL 13 200m	Đường vành đai	**1,05**
		Đường vành đai	Hết tuyến	**1,05**
45	Đường khu phố 2-9	Thửa đất nằm trong phạm vi từ 0-200m không tiếp giáp QL13		**1,05**
		Cách QL 13 200m	Đường vành đai	**1,05**
		Đường vành đai	Hết tuyến	**1,05**
46	Các tuyến đường nhựa, bê tông có độ rộng từ 3m trở lên	Toàn tuyến		**1,05**
47	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		**1,05**
II	**XÃ AN KHƯƠNG**			
1	ĐT 757	Cầu ranh giới An Khương - Thanh Lương	Cống giáp Thanh An	**1,00**
2	Đường liên xã	Ngã 3 ấp 5 Xa Cô (Tờ 29 thửa 152)	Trạm y tế xã (Tờ 29 thửa 05)	**1,00**
3	Ngã ba đi Lòng Hồ	Ngã ba xã (Tờ 23 thửa 781)	Cống số 1 ấp 3 (Tờ 23 thửa 445)	**1,00**
4	Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên	Toàn tuyến		**1,00**
5	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		**1,00**
III	**XÃ AN PHÚ**			
1	Đường nhựa liên xã	Thửa đất số 119, tờ bản đồ số 9	Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 7 (Nhà ông Cao Tấn Kiệt)	**1,00**
		Ngã ba phố Lố	Giáp ranh xã Thanh Phú- Bình Long	**1,40**

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
		Ngã ba phố Lố	Giáp ranh xã Thanh Lương- Bình Long	**1,40**
2	ĐT 754C (QL 14C)	Ngã tư Tiến Toán	Cầu Cần Lê 2 (Huyện Lộc Ninh)	**1,00**
3	Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên	Toàn tuyến		**1,25**
4	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		**1,33**
IV	**XÃ ĐỒNG NƠ**			
1	ĐT 756B (Đường huyện 245)	Ngã 3 đoạn giáp ranh thị trấn Tân Khai - Minh Đức - Đồng Nơ	Điểm cuối Văn phòng ấp 3 (tờ 22 thửa 117)	**1,05**
		Điểm cuối Văn phòng ấp 3 (tờ 22 thửa 117)	Điểm cuối nhà ông Mai Viết Huê (tờ 27 thửa 08)	**1,05**
		Điểm cuối nhà ông Mai Viết Huê (tờ 27 thửa 08)	cổng Nông trường 425	**1,03**
2	ĐT 752B (Đường Minh Hưng - Đồng Nơ)	Giáp ranh xã Minh Hưng	Đường 756B	**1,00**
3	Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên	Toàn tuyến		**1,05**
4	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		**1,05**
V	**XÃ MINH ĐỨC**			
1	ĐH 246	Ngã ba T& T (tờ 24, thửa 229)	Hết ranh đất ông Luật (giáp ranh xã Minh Tâm) (tờ 15, thửa 59)	**1,00**
2	Đường đất trường THCS ấp 1A	Trường THCS Minh Đức	Ngã ba Tuấn Thêu (tờ 24, thửa 635)	**1,00**
		Trường THCS Minh Đức	Hết ranh đất ông Tăng (tờ 24, thửa 700)	**1,00**
		Trường THCS Minh Đức	Hết ranh đất ông Thực (tờ 24, thửa 328)	**1,00**
3	Đường liên xã Đồng Nơ - Minh Đức	UBND xã Minh Đức	Ngã ba Hương Cường (tờ 28, thửa 22)	**1,00**
4	Lộ đal ấp 2	Đầu ranh đất bà Tư Khuôn (tờ 28, thửa 34)	Cầu Sắt Chà Lon (tờ 28)	**1,00**
5	Lộ đal ấp 3	Đầu ranh đất ông Thanh (tờ 28, thửa 21)	Hết ranh đất ông Hưng (tờ 28, thửa 122)	**1,00**
6	Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên	Toàn tuyến		**1,00**

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
7	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		**1,00**
VI	**XÃ MINH TÂM**			
1	ĐT 752	Giáp ranh phường Hưng Chiến, Tx. Bình Long	Điểm đầu cây xăng Phúc Thịnh (tờ 1 thửa 132)	**1,05**
		Điểm đầu cây xăng Phúc Thịnh (tờ 1 thửa 132)	Ngã 3 giao đường ĐT 754C (14C)	**1,00**
		Ngã 3 giao đường ĐT 754C (14C)	Giáp sông Sài Gòn	**1,00**
2	ĐT 754C (Đường 14C)	Ngã ba Hòa Đào	Ngã tư nhà máy xi măng	**1,00**
		Ngã tư nhà máy xi măng	Giáp ranh xã An Phú	**1,17**
3	ĐH 246	Ngã ba trường tiểu học Minh Tâm	Giáp ranh xã Minh Đức	**1,33**
4	Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên	Toàn tuyến		**1,00**
5	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		**1,00**
VII	**XÃ PHƯỚC AN**			
1	Đường liên xã	Cầu Xa Trạch 1 giáp xã Thanh Bình	Cuối dốc nghĩa địa 23 Lớn	**1,00**
		Cuối dốc nghĩa địa 23 Lớn	Ngã 3 Sở - Líp đi Tân Quan	**1,00**
		Ngã 3 Sở - Líp đi Tân Quan	Giáp ranh xã Tân Lợi	**1,00**
2	Đường liên xã	Ngã ba Sở- Líp	Giáp ranh xã Tân Quan	**1,00**
3	Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên	Toàn tuyến		**1,00**
4	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		**1,00**
VIII	**XÃ TÂN HIỆP**			
1	ĐT 756B (Đường huyện 245)	Ranh giới xã Đồng Nơ	Cổng Nông trường 425	**1,00**
		Cổng Nông trường 425	Nhà thờ Tân Hiệp	**1,05**
		Nhà thờ Tân Hiệp	Đến cầu số 5	**1,05**
2	Đường xã	Ngã 3 UBND xã Tân Hiệp	Hết ranh đất trường Mầm Non	**1,05**
		Hết ranh đất trường Mầm Non	Ngã tư quận 1	**1,05**
3	ĐT 752B	Cổng nông trường 425	Cổng văn phòng 425	**1,05**

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
3	ĐT 752B	Cổng văn phòng 425	Giáp ranh xã Minh Đức	**1,05**
4	Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên	Toàn tuyến		**1,05**
5	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		**1,05**
IX	**XÃ TÂN HƯNG**			
1	ĐT 756	Ngã 3 dốc cà phê (Tờ 32 thửa 55)	Ngã 3 giao đường ĐT 758	**1,00**
		Ngã 3 đường vào nhà máy 30/4	Cầu suối Cát giáp xã Thanh An	**1,00**
		Các đoạn còn lại		**1,00**
2	ĐT 758	Ngã 3 giao đường ĐT 756 (trường THCS Tân Hưng)	Giáp ranh đất cao su nhà nước	**1,00**
		Các đoạn còn lại		**1,00**
3	Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên	Toàn tuyến		**1,00**
4	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		**1,00**
X	**XÃ TÂN LỢI**			
1	ĐT 758	Giáp ranh phường Phú Thịnh-Bình Long	Điểm cuối Đài Liệt sỹ (thửa 64 tờ 33)	**1,00**
		Điểm cuối Đài Liệt sỹ (thửa 64 tờ 33)	Ngã 3 thác số 4	**1,00**
		Ngã 3 thác số 4	Ngã 3 đi Thanh An (nhà ông Dữ)	**1,00**
2	ĐT 756	Ngã 3 đi Thanh An (nhà ông Dữ)	Cầu Suối Cát	**1,00**
		Ngã 3 đi Thanh An (nhà ông Dữ)	Ngã 5 Tân Hưng	**1,00**
3	Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên	Toàn tuyến		**1,00**
4	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		**1,00**
XI	**XÃ TÂN QUAN**			
1	ĐT 756C (Đường nhựa liên xã cũ)	Cầu bà Hô giáp ranh thị trấn Tân Khai	Ranh nhà bà Nguyễn Thị Bích Hồng và ông Huỳnh Văn Lợi (Tờ 20 thửa 122)	**1,10**
		Ranh nhà bà Nguyễn Thị Bích Hồng và ông Huỳnh Văn Lợi (Tờ 20 thửa 122)	Hết ranh thửa đất bà Lưu Thị Na (tờ 12 thửa 103)	**1,10**
		Hết ranh thửa đất bà Lưu Thị Na (tờ 12 thửa 103)	Giáp ranh xã Quang Minh	**1,10**

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
2	ĐT 756B	ĐT 756C	Đến hết ranh trường tiểu học Xa Lách	**1,20**
		Đến hết ranh trường tiểu học Xa Lách	Giáp ranh xã Nha Bích	**1,15**
3	Đường liên xã	Ngã ba Sóc Ruộng 1	Ngã ba Xa Lách	**1,20**
4	Đường liên xã Tân Quan- Minh Thắng	Toàn tuyến		**1,10**
5	Đường liên xã Tân Quan- Minh Hưng	Toàn tuyến		**1,15**
6	Đường liên xã Tân Quan- Phước An	Toàn tuyến		**1,10**
7	Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên	Toàn tuyến		**1,10**
8	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		**1,10**
XII	**XÃ THANH AN**			
1	ĐT 757	Giáp ranh với cao su Nông trường Trà Thanh - công ty cao su Bình Long (hộ ông Hoàng Giáp Sơn) (Tờ số 24 thửa số 186)	Điểm cuối thửa 223, tờ bản đồ số 25 (Đất hộ Ông Lê Hoàng Đàn)	**1,05**
		Điểm cuối thửa 223, tờ bản đồ số 25 (Đất hộ Ông Lê Hoàng Đàn)	Điểm cuối thửa 290, tờ bản đồ 25 (Hộ Vũ Văn Giỏi)	**1,05**
		Điểm cuối thửa 290, tờ bản đồ 25 (Hộ Vũ Văn Giỏi)	Điểm cuối lò giết mổ heo tập trung (hộ Nguyễn Thị Mộng Trinh) (Tờ 36 thửa 102)	**1,05**
		Các đoạn còn lại		**1,05**
2	ĐT 756	Toàn tuyến		**1,05**
3	Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên	Toàn tuyến		**1,05**
4	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		**1,05**
XIII	**XÃ THANH BÌNH**			
1	Quốc lộ 13	Ranh giới hai thị trấn Tân Khai - Thanh Bình	Cống ba miệng (Tờ 43 thửa số 1)	**1,07**
		Cống ba miệng (Tờ 43 thửa số 1)	Ranh giới Hớn Quản - TX. Bình Long	**1,05**
2	Đường liên xã	Ngã 3 Xa Trạch	Cầu Xa Trạch 1 giáp xã Phước An	**1,05**
3	Đường ranh thị xã Bình Long và huyện Hớn Quản (đi lòng hồ Xa Cát)	QL 13	Hồ Xa Cát	**1,05**
4	ĐT 752C	Ngã ba Xa Cát (giáp QL13)	Giáp ranh xã Minh Đức	**1,05**

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
5	Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên	Toàn tuyến		**1,05**
6	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		**1,00**